TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 308/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 21 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 643/2026/TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Hữu N, sinh năm 1977;

- Bà Đặng Thị Kim C, sinh năm 1982;

Cùng nơi cư trú: Số F L, khu phố T, phường N, Thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, ông N và bà C cùng nộp đơn yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung". Quá trình vận động hòa giải, ông N và bà C thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vào ngày 13/5/2026. Ông N và bà C cùng cư trú tại phường N, Thành phố Đ và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định; Do đó, đơn yêu cầu của ông N và bà C được Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Trần Hữu N và bà Đặng Thị Kim C chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay phường N, Thành phố Đ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 182/2003, ngày 28/11/2023. Ông N và bà C xác định có 02 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 07/9/2016 và Trần Thúy V, sinh ngày 05/11/2004. Sau khi ly hôn, ông N và bà C

thống nhất thỏa thuận để ông N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh H; đối với cháu Trần Thúy V đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà C tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông N và bà C thống nhất tài sản chung tự thoả thuận và không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống ông N và bà C thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông N và bà C xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy ông N và bà C thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của ông N và bà C đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và của con chung; phù hợp với nguyện vọng nuôi con chung; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai chấp nhận đơn yêu cầu của ông N và bà C.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Hữu N và bà Đặng Thị Kim C.

- Về con chung: Ông Trần Hữu N và bà Đặng Thị Kim C thống nhất 02 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 07/9/2016 và Trần Thúy V, sinh ngày 05/11/2004. Sau khi ly hôn, ông N và bà C thống nhất thỏa thuận giao cháu Trần Minh H cho ông N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Đối với cháu Trần Thúy V đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Tạm thời bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà C và ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông Trần Hữu N và bà Đặng Thị Kim C khai tài sản chung tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trần Hữu N và bà Đặng Thị Kim C khai không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Hữu N và bà Đặng Thị Kim C mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình

sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí ông N và bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008660 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Đ. Ông N và bà C đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS khu vực 2 - Đồng Nai;
- UBND phường Nhơn Trạch;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Bảo